

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/8/2019.

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lưu Minh Tú**
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
 - 2. Bà **Võ Thị Diệp**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 13/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con*”; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-DS, ngày 02/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS, ngày 18/7/2019 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/TA-TB ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **NKN**, sinh năm 1988;
HKTT: ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Hiện cư trú: Khu dân Cư Kiểm Điền, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **NTH**, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
* Chị N có mặt tại phiên tòa; anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn NKN trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NTH cưới nhau năm 2014, đăng ký kết hôn năm 2015, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 047/2015 do Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ chứng nhận.

Trong thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Thời gian sau, anh H thường xuyên chơi bời, rượu chè, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc

vợ con, không lo cho hạnh phúc và kinh tế tương lai của gia đình; ngoài ra anh H thường xuyên cờ bạc, nợ nần. Dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn càng ngày trầm trọng. Đến tháng 7/2018, chị và con về nhà anh ruột tại Khu dân Cư Kiểm Điền, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có ý hàn gắn tình cảm, mối quan hệ vợ chồng. Từ đó tình cảm vợ chồng giảm sút dần theo thời gian, đến nay không còn.

Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh H, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015. Hiện cháu Thiên đang sống chung với chị N. Khi giải quyết ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do chị N có công việc ổn định, lương mỗi tháng 4-5 triệu đồng đủ khả năng lo cho con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng.

** Tại bản tự khai ngày 06/5/2019 và tại phiên hòa giải ngày 14/5/2019, anh NTH trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn 2014, đăng ký kết hôn năm 2015, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 047/2015 do Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ chứng nhận.

Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng, anh không quan tâm chăm sóc vợ con; thường xuyên chơi bời, rượu chè với bạn bè bỏ bê vợ con. Anh có đi làm nhưng không có dư. Dẫn đến vợ chồng anh mâu thuẫn. Đến tháng 7/2018, vợ và con anh về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, cũng từ đó vợ chồng ly thân nhau. Trong thời gian ly thân anh có gặp chị N nhưng không có hàn gắn tình cảm lại với nhau.

Tại phiên hòa giải, anh đề nghị Tòa án cho anh thời hạn 10 ngày, để anh có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng và để anh tự hàn gắn với chị N. Hết thời hạn 10 ngày nếu anh và chị N không hàn gắn được thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N và thống nhất giao Tòa án quyết định theo yêu cầu của chị N. Anh sẽ không thắc mắc gì và đồng ý phán quyết của Tòa án.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015. Hiện cháu Thiên đang sống chung với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:*

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

+ Giấy CMND và hộ khẩu (Bản photo);

- + Giấy khai sinh tên Nguyễn Thái Ân Thiên (bản sao)
- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm:
- Giấy CmND (photo);
- Bản tự khai.

* Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh, các bên đã thống nhất: về đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về việc ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị NKN là yêu cầu ly hôn với anh NTH và yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn tại ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bị đơn NTH đã được tổng đạt và triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị NKN, chị N yêu cầu được ly hôn với anh NTH, Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh H đăng ký kết hôn vào năm 2015, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 047/2015 do Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ chứng nhận nên xác định hôn nhân của anh H và chị N là tự nguyện và hợp pháp.

Xét trình bày của chị N, trong thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Thời gian sau, anh H thường xuyên chơi bời, rượu chè, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho hạnh phúc và kinh tế tương lai của gia đình; ngoài ra anh H thường xuyên cờ bạc, nợ nần. Dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn càng ngày trầm trọng. Đến tháng 7/2018, chị và con về nhà anh ruột tại Khu dân Cư Kiểm Điền, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có ý hàn gắn tình cảm, mối quan hệ vợ chồng. Từ đó tình cảm vợ chồng giảm sút dần

theo thời gian, đến nay không còn. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H thừa nhận anh không quan tâm chăm sóc vợ con; thường xuyên chơi bời, rượu chè với bạn bè bỏ bê vợ con vợ chồng, dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn như lời trình bày của chị Kim Như. Ngoài ra, Tòa án có hòa giải hàn gắn cho anh H và chị N nhưng chị N cương quyết ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành. Bên cạnh đó, anh H cũng đề nghị Tòa án cho anh thời gian để anh H và chị N tự hàn gắn, trường hợp không hàn gắn được anh đồng ý ly hôn với chị N, sau đó Tòa án có tiếp tục mở phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh H và chị N nhưng anh H không tham gia phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được và cho đến nay anh H, chị N vẫn không hàn gắn được với nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên lời trình bày của chị N cơ sở, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

Xét về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ giấy khai sinh số 144/2015 ngày 09/9/2015; ngoài ra, chị N và anh H cùng trình bày vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015 nên xác định anh H và chị N có một con chung là cháu Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015. Anh H trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của bé và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục bé; nhưng trong thời gian ly thân từ 7/2018 đến nay cháu Thiên sống chung với chị N cuộc sống vẫn ổn định, về sức khỏe, vật chất, tinh thần, học hành của bé vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác; bên cạnh đó chị N vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của bé và chị có thu nhập hàng tháng nên chị N có đủ điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục bé Thiên, để không làm xáo trộn môi trường sống và sinh hoạt của bé Thiên. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ, tuy nhiên chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không xem xét.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục thì anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Xét về tài sản chung và nợ chung, do các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NKN.

- Về quan hệ hôn nhân: chị NKN được ly hôn với anh NTH.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015. Chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái Ân Thiên, sinh ngày 19/8/2015. Anh NTH không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không yêu cầu).

Anh NTH được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Chị NKN phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006571 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Minh Tú

